

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1138/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Bùi Đức T, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số 075090001xxx, cấp ngày 16/4/2021;

Địa chỉ: Tổ Y, khu phố V, phường T, thành phố Đồng Nai.

Số điện thoại: 0989.711.yyy.

- Bà Lê Thị Mai A, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số 034190015zzz, cấp ngày 09/8/2021;

Địa chỉ: Tổ M, khu phố V, phường T, thành phố Đồng Nai.

Số điện thoại: 0982.959.nnn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A đoàn tụ nhưng ông T và bà A không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cũ (nay là UBND phường T, thành phố Đồng Nai), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx/2012, quyển số 01/2012, ngày 14/5/2012. Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, ông T và bà A không đoàn tụ để về chung sống với nhau mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự nguyện của ông,

bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A có 03 con chung tên là Bùi Lê Minh A2 sinh ngày 05/11/2012, Bùi Lê Huyền A3 sinh ngày 04/8/2015 và Bùi Lê Đức T sinh ngày 13/01/2018. ông T và bà A thỏa thuận, thống nhất: Giao cháu Bùi Lê Minh A2 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Lê Huyền A3 và Bùi Lê Đức Thịnh cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T, bà A không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con của đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: ông T và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông T và bà A đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: ông T và bà A phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 18/8/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Minh A2 sinh ngày 05/11/2012 cho ông Bùi Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Lê Huyền A3 sinh ngày 04/8/2015 và Bùi Lê Đức T sinh ngày 13/01/2018 cho bà Lê Thị Mai A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T, bà A không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Đức T và bà Lê Thị Mai A mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002xxx ngày 05/8/2026 và Biên lai thu số 0002yyy ngày 05/8/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai. ông T và bà A đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- UBND phường T, TP. Đồng Nai
(Giấy chứng nhận kết hôn số xx, Quyền số 26/2012, quyền số 01/2012 ngày 14/5/2012, xã H cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Quang Tuyền